



lóng zi

笼子

Noun · cage / coop

Example Sentences

zhè shì yí gè lóng zi
这是一个笼子。

This is a cage.

xiǎo niǎo zài lóng zi lǐ chàng gē
小鸟在笼子里唱歌。

The bird is singing in the cage.

tā bǎ tù zi fàng jìn lóng zi yǐ miǎn tā pǎo diào
他把兔子放进笼子，以免它跑掉。

He put the rabbit in the cage to prevent it from running away.

Trace each character, then write the word on your own.

笼	笼	笼	笼	笼	笼	笼	笼	笼	笼	笼
子	子	子	子	子	子					